

Số: 268 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Đề án Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 661/TTg-CN ngày 23/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung 05 đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-TTg ngày 20/04/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 1788-TB/TU ngày 13/7/2023 của Thường trực Tỉnh ủy tỉnh Bắc Giang về ý tưởng Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 1876-TB/TU ngày 28/8/2023 của Ban thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bắc Giang về Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 1881-TB/TU ngày 29/8/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định, UBND tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo Quyết định số 425/QĐ-TTg ngày 20/04/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000, với mục tiêu cụ thể hoá các định hướng chiến lược của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để xây dựng và phát triển đô thị Bắc Giang trở thành một đô thị trung tâm, cửa ngõ quan trọng phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội. Đến năm 2030, phần đầu xây dựng đô thị Bắc Giang trở thành đô thị loại I (sáp nhập toàn bộ địa giới hành chính huyện Yên Dũng vào thành phố Bắc Giang). Làm cơ sở lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung của đô thị theo quy hoạch.

Như vậy, việc lập quy hoạch chung đô thị Bắc Giang có tác động tới việc tổ chức các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và hoạt động liên kết kinh tế vùng giữa các đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh.

Vì vậy, việc cơ quan tổ chức lập Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang là cần thiết, để đảm bảo việc tổ chức lập quy hoạch đô thị phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về quy hoạch đô thị; đồng thời thống nhất với các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân thông qua, quyết định theo thẩm quyền.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH:

- Ngày 20/4/2023, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 425/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

- Sau khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng là cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Trong quá trình lập quy hoạch, Sở Xây dựng đã phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng xin ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư, các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Liên hiệp các hội KH&KT Tỉnh; báo cáo thông qua UBND thành phố Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đến nay đề án đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện để đảm bảo trình thông qua HĐND tỉnh

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN QUY HOẠCH

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch:

Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng hiện hữu (đô thị Bắc Giang), trong đó:

- Thành phố Bắc Giang gồm 16 phường, xã; trong đó, 10 phường: Thọ Xương, Trần Nguyên Hãn, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Mỹ Độ, Lê Lợi, Xương Giang, Đa Mai, Đình Kế và 6 xã: Đình Trì, Tân Mỹ, Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Song Khê.

- Huyện Yên Dũng gồm 2 thị trấn: Nham Biền, Tân An và 16 xã: Quỳnh Sơn, Hương Gián, Xuân Phú, Lãng Sơn, Trí Yên, Lão Hộ, Tiền phong, Nội Hoàng, Tân Liễu, Yên Lư, Tư Mại, Cảnh Thụy, Tiên Dũng, Đồng Việt, Đồng Phúc, Đức Giang.

b) Ranh giới lập quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

- Phía Tây giáp huyện Việt Yên;

- Phía Nam giáp huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (Sông Cầu);

- Phía Bắc giáp huyện Lạng Giang và huyện Tân Yên.

c) Quy mô lập quy hoạch:

- Các giai đoạn thực hiện quy hoạch:

- + Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030;

- + Giai đoạn dài hạn: đến năm 2045.

- Diện tích lập quy hoạch khoảng: 25.830 ha. Trong đó thành phố Bắc Giang: 6.656 ha; huyện Yên Dũng: 19.174 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hoá các định hướng chiến lược của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để xây dựng và phát triển đô thị Bắc Giang trở thành một đô thị trung tâm, cửa ngõ quan trọng phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội.

- Đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang phù hợp với Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.

- Đến năm 2030, phân đầu xây dựng đô thị Bắc Giang trở thành đô thị loại I (sáp nhập toàn bộ địa giới hành chính huyện Yên Dũng vào thành phố Bắc Giang).

- Làm cơ sở lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung của đô thị theo quy hoạch.

3. Tính chất đô thị

- Là đô thị trung tâm phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội, cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của vùng Thủ đô Hà

Nội, vùng đồng bằng với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn); đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

- Là đô thị loại I (thành phố trực thuộc tỉnh), trung tâm hành chính - chính trị - kinh tế, văn hóa- xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh Bắc Giang.

- Là đô thị xanh và thông minh, trung tâm phát triển của vùng trọng điểm kinh tế (vùng Tây Nam của Tỉnh) với động lực phát triển chính là công nghiệp, dịch vụ, đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch - nghỉ dưỡng, có sức lan tỏa mạnh, lôi kéo phát triển các vùng khác trong Tỉnh.

- Có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh.

4. Các chỉ tiêu phát triển đô thị

a) Dân số quy hoạch

- Đến năm 2030, dân số đô thị Bắc Giang khoảng 472.000 người. Trong đó dân số nội thị khoảng 410.000 người, chiếm 86,86% tổng dân số.

- Đến năm 2045, dân số đô thị Bắc Giang khoảng 666.000 người. Trong đó dân số nội thị khoảng 596.000 người, chiếm 89,49% tổng dân số.

b) Đất đai quy hoạch

- Đến năm 2030, đất dân dụng khoảng 4.100 ha, đạt bình quân khoảng 100 m²/người.

- Đến năm 2045, đất dân dụng khoảng 5.960 ha, đạt bình quân khoảng 100 m²/người.

5. Tầm nhìn, chiến lược phát triển đô thị:

Xây dựng Đô thị Bắc Giang trở thành một thành phố “**Xanh và Thông minh**” với các trung tâm chuyên ngành cấp vùng và quốc gia, hỗ trợ phát triển liên vùng; là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, KHKT, du lịch và giáo dục của tỉnh có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, một đô thị có môi trường sống tốt, gắn với cảnh quan thiên nhiên. Với 4 chiến lược phát triển:

- (1) Bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các ngành sản xuất ở Bắc Giang;
- (2) Phát triển thành phố năng động đa trung tâm;
- (3) Làm nổi bật yếu tố tự nhiên để tăng cường sức hấp dẫn của thành phố;
- (4) Phát triển giao thông đa phương thức.

6. Mô hình và cấu trúc phát triển đô thị:

Đô thị Bắc Giang phát triển theo mô hình **đô thị đa trung tâm**, theo nét đặc trưng riêng của từng khu vực, với nhiều trung tâm khác nhau, có tính chất độc lập hoặc phụ thuộc lẫn nhau, mỗi trung tâm đều có tiêu chí của đô thị nén và được liên kết với nhau bằng hệ thống giao thông công cộng:

+ Phát triển ba trung tâm đô thị hiện hữu (Thành phố Bắc Giang, Thị trấn Nham Biền, Thị trấn Tân An) và tạo ra bản sắc riêng biệt của từng khu vực cùng với việc kiểm soát đô thị hiệu quả;

+ Phát triển cấu trúc đô thị dựa vào các yếu tố tự nhiên là lấy núi Nham Biền và dòng sông Thương làm trung tâm và tác động ngược trở lại sự phát triển đô thị;

+ Kết hợp vùng thoát lũ dọc theo hai bên bờ sông và vùng sản xuất nông nghiệp nhằm ứng phó với nguy cơ xảy ra lũ lụt, và duy trì các sản phẩm nông nghiệp địa phương.

7. Định hướng phát triển không gian đô thị:

7.1. Định hướng không gian tổng thể:

- Không gian đô thị Bắc Giang khẳng định vai trò, tính liên kết của đô thị Bắc Giang hiện hữu và khu vực huyện Yên Dũng mở rộng theo định hướng phát triển trở thành đô thị loại I (đô thị trực thuộc Tỉnh) bao gồm: Khu vực lõi đô thị hiện hữu; Khu vực thị trấn Tân An và thị trấn Nham Biền.

- Không gian đô thị Bắc Giang phát triển theo mô hình đa trung tâm kết nối thông qua 3 tuyến đường vành đai. Các trung tâm đô thị phát triển dựa trên cấu trúc khung tự nhiên với trái tim là núi Nham Biền và dòng sông Thương. Khai thác tối đa không gian cảnh quan hai bên bờ sông Thương và núi Nham Biền hình thành nên đô thị xanh và hấp dẫn, kết hợp phát triển mở rộng đô thị và cải tạo chỉnh trang các khu vực đô thị, làng xóm hiện trạng; phát triển các trung tâm cấp vùng về đổi mới sáng tạo, dịch vụ thương mại, y tế - giáo dục công nghiệp công nghệ cao tại thành phố Bắc Giang, chia sẻ, hỗ trợ chức năng về kinh tế, văn hóa với Thủ đô Hà Nội và kết nối phát triển với các địa phương trong vùng đồng Đông Bắc Bộ.

- Nâng tầm hình ảnh không gian đô thị tương xứng với đô thị loại I bằng các giải pháp: Chỉnh trang đô thị, nâng cấp các tuyến phố bằng các dự án thiết kế đô thị. Bổ sung các không gian xanh, công viên, quảng trường trong thành phố, đặc biệt các không gian công cộng gắn với dòng sông Thương. Nâng cao mật độ, xây dựng xen cây ở những vị trí thích hợp, hạn chế giải phóng mặt bằng; phát triển đô thị hài hòa giữa phát triển mới và hiện trạng cải tạo; áp dụng các giải pháp thiết kế xanh, thông minh để phát triển không gian, hạ tầng đô thị; chú trọng cải tạo chỉnh trang đô thị hiện trạng, bảo vệ các không gian làng xóm truyền thống, bảo tồn các không gian công cộng, không gian văn hóa truyền thống, di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái tự nhiên; hình thành các vùng đệm xanh, dịch vụ bao quanh để bảo vệ và hạn chế đô thị hóa tự phát làm phá vỡ các không gian truyền thống.

- Hành lang sinh thái dọc hai bên bờ sông Thương và núi Nham Biền được tạo lập từ cảnh quan sinh thái tự nhiên gắn với bảo tồn các không gian văn hóa, lịch sử, làng xóm hiện có,... cung cấp các dịch vụ sinh thái, du lịch, thể thao, nghỉ dưỡng cho các khu vực phát triển đô thị. Hình thành các công viên sinh thái bán ngập tại các khu vực có nguy cơ bị ngập lụt, giảm thiểu tác động đến môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức giao thông kết nối không gian 3 cực phát triển đô thị với các không gian đô thị trong vùng. Vành đai 3 kết nối không gian đô thị với các vùng

lân cận; vành đai 2 kết nối các phân khu chức năng trong đô thị và tuyến vành đai 1 kết nối các không gian trung tâm Đặc biệt. không gian đô thị kết nối với hệ sinh thái qua 3 dòng sông.

- Phát triển mạng lưới không gian xanh đô thị gắn với chiến lược phát triển ba dòng sông. Định hướng sông Cầu phát triển hệ thống các bến cảng phục vụ chủ yếu cho vận tải hàng hóa; sông Thương với các chức năng vui chơi giải trí và bảo tồn các giá trị cảnh quan tự nhiên; sông Lục Nam phát triển các không gian cảng hỗn hợp phục vụ cho du lịch tâm linh và trải nghiệm.

7.2. Xác định khu vực nội thị, ngoại thị:

Toàn đô thị Bắc Giang (TP Bắc Giang, huyện Yên Dũng) có 34 đơn vị hành chính với diện tích 25.830 ha. Trong đó:

* Khu vực nội thị:

- Đến năm 2030: Định hướng thêm 13 đơn vị hành chính lên phường nội thị (theo KH số 479/KH-UBND 22/08/2022), nâng lên tổng 23 Phường nội thị, bao gồm: Thọ Xương, Trần Nguyên Hãn, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Mỹ Độ, Lê Lợi, Xương Giang, Đa Mai, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, Tân Mỹ, Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Song Khê, Nham Biền, Tân An, Hương Gián, Tiền phong, Nội Hoàng, Tân Liễu, Cảnh Thụy. Diện tích: 14.004,78 ha, chiếm 54,22%

- Đến năm 2045: Dự kiến thêm 4 đơn vị hành chính lên phường nội thị, nâng lên tổng 27 Phường nội thị, bao gồm: Thọ Xương, Trần Nguyên Hãn, Ngô Quyền, Hoàng Văn Thụ, Trần Phú, Mỹ Độ, Lê Lợi, Xương Giang, Đa Mai, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, Tân Mỹ, Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Song Khê, Nham Biền, Tân An, Hương Gián, Tiền phong, Nội Hoàng, Tân Liễu, Cảnh Thụy, Yên Lư, Xuân Phú, Lão Hộ, Tiến Dũng. Diện tích: 18.450,62 ha, chiếm 71,43%.

* Khu vực ngoại thị:

- Đến năm 2030: Các xã ngoại thị còn 11 đơn vị hành chính, bao gồm: Yên Lư, Xuân Phú, Lão Hộ, Quỳnh Sơn, Tiến Dũng, Trí Yên, Lãng Sơn, Đức Giang, Tư Mại, Tiến Dũng, Đồng Việt. Diện tích: 11.824,56 ha, chiếm 45,78%

- Đến năm 2045: Các xã ngoại thị còn 7 đơn vị hành chính, bao gồm: Quỳnh Sơn, Trí Yên, Lãng Sơn, Đức Giang, Tư Mại, Đồng Phúc, Đồng Việt. Diện tích: 7.378,72 ha, chiếm 28,57%.

7.3. Định hướng phát triển các phân khu chức năng đô thị:

Đến năm 2045 khu vực nội thị có tổng diện tích là 18.450,62 ha, chiếm 71,43%. Trên cơ sở kế thừa các phân khu theo QHC2017 và hướng phát triển đô thị theo kịch bản 2 Phát triển đa trung tâm. Khu vực nội thị được chia thành 9 phân khu đô thị làm cơ sở lập các quy hoạch phân khu đô thị để quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung của đô thị theo quy hoạch:

1) Phân khu 1: Khu đô thị trung tâm hiện hữu; Diện tích khoảng 1.466 ha; Dân số: Đến năm 2030: 129.300 người, đến năm 2045: 180.310 người; Thuộc trung tâm thành phố Bắc Giang, bao gồm các phường, xã: Dĩnh Kế, Dĩnh Trì,

Hoàng Văn Thụ, Lê Lợi, Trần Phú, Ngô Quyền, Trần Nguyên Hãn, Thọ Xương, Xương Giang. Định hướng phát triển: Là khu vực trung tâm nội thành lịch sử thành phố Bắc Giang, tôn trọng cấu trúc đô thị hiện trạng, sử dụng đất đối với các khu dân cư hiện hữu. Tập trung cải tạo hệ thống hạ tầng xã hội - kỹ thuật trên khu vực để nâng cao chất lượng sống của cư dân và hoàn thiện trục đường Xương Giang, Hùng Vương, Nguyễn Thị Minh Khai để tạo lập trục chính đô thị, là trung tâm dịch vụ - thương mại và kinh tế của thành phố. Định hướng di dời dần những khu, cụm công nghiệp không phù hợp với sự phát triển bền vững của đô thị (công nghiệp nặng, công nghiệp gây ô nhiễm môi trường) và chuyển đổi các nhà máy cũ đó thành các không gian công cộng như: Công viên, thương mại dịch vụ, văn phòng, bảo tàng,... Tăng cường và cải tạo các không gian công cộng ven sông mới nhằm tạo ra nhiều không gian vui chơi giải trí kết nối cộng đồng và tăng sức hấp dẫn cho khu trung tâm thành phố.

2) Phân khu 2: Khu đô thị phức hợp, trung tâm mới đa năng; Diện tích khoảng 2.247 ha; Dân số: Đến năm 2030: 53.000 người, đến năm 2045: 88.100 người; Thuộc các phường, xã: Hoàng Văn Thụ, Lê Lợi, Đình Kế, Tân Tiến, Hương Gián, Đình Trì, Xuân Phú và thị trấn Tân An. Định hướng phát triển: Là khu đô thị phía Đông Nam đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, là khu đô thị phức hợp, trung tâm mới đa năng của Tỉnh và Thành phố. Tập trung phát triển các chức năng trung tâm cấp vùng, cấp tỉnh, cấp thành phố quan trọng trên cơ sở khai thác hai bên tuyến đường tỉnh ĐT293 và trục Bắc Nam mới.

3) Phân khu 3: Khu đô thị đầu mối - thương mại dịch vụ; Diện tích khoảng 1.914 ha; Dân số: Đến năm 2030: 42.800 người, đến năm 2045: 64.900 người; Thuộc các xã Đồng Sơn, Song Khê, Nội Hoàng và Tiên Phong. Định hướng phát triển: Là khu đô thị dịch vụ đa chức năng bao gồm: Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp; một khu vực phát triển đa dạng các loại hình nhà ở với các dịch vụ hạ tầng xã hội đồng bộ, phục vụ nhu cầu phát triển dân cư mới của thành phố và vùng lân cận. Là Trung tâm logistic phía Tây Nam Thành Phố gắn với cảng sông Đồng Sơn và cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, với mô hình “Công viên Logistics đô thị”. Ưu tiên các chức năng phát triển thuận lợi trong việc kết nối vùng, phát triển các trung tâm Logistic quốc tế - trung tâm tiếp vận, trung chuyển hàng hóa kết nối với Trung Quốc thông qua cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn).

4) Phân khu 4: Khu đô thị phía Tây Bắc; Diện tích khoảng 1.537 ha; Dân số: Đến năm 2030: 46.200 người, đến năm 2045: 64.200 người; Thuộc các phường, xã: Mỹ Độ, Đa Mai, Song Mai, Tân Mỹ, Song Khê và Đồng Sơn. Định hướng phát triển: Là khu đô thị mới phía Tây sông Thương gắn với trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp, các cụm công nghiệp và làng nghề hiện trạng, trung tâm y tế, giáo dục cấp tỉnh, khu du lịch sinh thái ngòi Đa Mai. Phát triển đô thị mới sinh thái chất lượng cao gắn với dịch vụ du lịch sinh thái ngòi Đa Mai và phù hợp với điều kiện tự nhiên trong vùng có khả năng bị ngập lụt.

5) Phân khu 5: Khu đô thị sinh thái phía Bắc; Diện tích khoảng 907ha; Dân số: Đến năm 2030: 14.200 người, đến năm 2045: 22.400 người; Thuộc các xã: Song Mai, Đa Mai. Định hướng phát triển: Là khu ở sinh thái chất lượng cao

gắn với dịch vụ du lịch đồi Quảng Phúc, núi Nghĩa Trung, du lịch sinh thái nông nghiệp - thủy sản, trung tâm dưỡng lão - dịch vụ xã hội, khu sản xuất và thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển mật độ thấp phù hợp với điều kiện tự nhiên trong vùng có khả năng bị ngập lụt.

6) Phân khu 6: Khu đô thị cửa ngõ phía Đông; Diện tích khoảng 2.048 ha; Dân số: Đến năm 2030: 35.700 người, đến năm 2045: 53.090 người; Thuộc thị trấn Tân An và các xã: Lão Hộ, Xuân Phú. Định hướng phát triển: Là khu đô thị phụ trợ gắn với cửa ngõ nông nghiệp, ngòi Mân chảy ra sông Lục Nam, đồi núi thấp khu vực Lão Hộ, Quỳnh Sơn và khu du lịch Tây Yên Tử. Tập trung phát triển đô thị song song với việc hoàn thiện đường Vành đai 5 vùng thủ đô, các khu công nghiệp quy mô lớn cấp tỉnh nằm cận kề như KCN Yên Sơn, Yên Sơn - Bắc Lũng, CCN Lan Mẫu. Khai thác phát triển các chức năng gắn với cửa ngõ phía Đông, trục vành đai VĐ2 và vành đai VĐ5 thủ đô Hà Nội. Khai thác ngòi Mân, cảnh quan tự nhiên phát triển khu đô thị sinh thái Lão Hộ gắn với công viên vui chơi giải trí phía Đông thành phố.

7) Phân khu 7: Khu du lịch sinh thái núi Nham Biền; Diện tích khoảng 2.599 ha; Dân số: Đến năm 2030: 23.000 người, đến năm 2045: 30.300 người; Thuộc thị trấn Nham Biền và các xã: Nội Hoàng, Tiên Phong, Tân Liễu, Yên Lư. Định hướng phát triển: Là khu đô thị sinh thái gắn với dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, thể dục thể thao (sân golf), du lịch sinh thái, du lịch tâm linh. Là khu vực bảo vệ môi trường cảnh quan sinh thái lâm nghiệp, tạo ra nét đặc trưng và đóng vai trò lá phổi xanh cho đô thị Bắc Giang.

8) Phân khu 8: Khu đô thị sáng tạo và sản xuất; Diện tích khoảng 4.378,13 ha; Dân số: Đến năm 2030: 53.100 người, đến năm 2045: 75.500 người; Thuộc thị trấn Nham Biền và các xã: Yên Lư, Cảnh Thụy, Tiên Dũng. Định hướng phát triển: Là khu đô thị sáng tạo và sản xuất, cực phát triển kinh tế mới của đô thị Bắc Giang. Là khu đô thị cửa ngõ phía Nam, đầu mối giao thông quan trọng kết nối với các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh. Tập trung phát triển Khu đô thị nghiên cứu sáng tạo gắn với sản xuất, trở thành cực phát triển Kinh tế mới phía Nam của đô thị Bắc Giang. Xác định định hướng cụ thể và bền vững cho các khu công nghiệp để tạo ra một khu hỗn hợp (công nghiệp - đô thị - dịch vụ) đáng sống và làm việc.

9) Phân khu 9: Khu vực hành lang xanh đa chức năng dọc sông Thương; Diện tích khoảng 1.354 ha; Dân số: Đến năm 2030: 12.700 người, đến năm 2045: 17.200 người; Thuộc một phần thị trấn Nham Biền và các phường, xã: Song Mai, Đa Mai, Thọ Xương, Trần Phú, Mỹ Độ, Lê Lợi, Đồng Sơn, Tân Tiến, Tân Liễu, Hương Gián, Xuân Phú, Tiên Dũng. Định hướng phát triển: Là hành lang xanh, công viên vui chơi giải trí ven sông, dịch vụ du lịch đường thủy, công viên sinh thái bán ngập, gắn với hành lang thoát lũ sông Thương. Cải tạo và bảo vệ hệ thống đê bao, tạo hành lang thoát lũ bền vững cho đô thị nhằm phát triển thành hành lang xanh đa chức năng dọc sông Thương, trở thành trục cảnh quan sinh thái chính của đô thị Bắc Giang.

7.4. Định hướng phát triển khu vực dân cư nông thôn:

Đến năm 2045 khu vực ngoại thị có tổng diện tích là 7.378,72 ha, chiếm 28,57%. Trong đó được chia thành 7 xã (Lãng Sơn; Quỳnh Sơn; Trí Yên; Đức Giang; Tư Mại; Đồng Việt; Đồng Phúc) làm cơ sở lập các quy hoạch chung xây dựng các xã, để quản lý phát triển, đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn, khu vực sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch. Định hướng phát triển:

- Xây dựng phát triển các khu vực dân cư nông thôn gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới theo các tiêu chí riêng của tỉnh.

- Phát triển nhà ở khu vực nông thôn tuân thủ theo các định hướng được đưa ra trong các quy hoạch điểm dân cư, quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Cải tạo, xây dựng mới các điểm dân cư phù hợp với điều kiện sống của dân cư từng vùng, hạn chế phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn.

- Phát triển các điểm dân cư nằm trong hành lang du lịch với các mô hình du lịch sinh thái, trồng cây đặc sản. Bảo tồn và phát triển các khu vực làng nghề, kết hợp phát triển du lịch, dịch vụ thương mại.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với phát triển du lịch tâm linh, tín ngưỡng. Bảo tồn và phát huy các không gian văn hoá truyền thống (Chùa, đình, đền,...), lưu giữ những giá trị về kiến trúc, phong tục lối sống thu hút khách du lịch thập phương.

7.5. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm, công viên, cây xanh và không gian mở:

a) Định hướng phát triển hệ thống trung tâm: Hệ thống trung tâm đô thị Bắc Giang được phát triển theo hướng bán tập trung - đa trung tâm, được phân bố đều khắp đô thị, trong đó hệ thống các trung tâm mới sẽ được phân bố tập trung về phía Đông Nam nhằm tạo động lực phát triển đô thị tại khu vực này:

* Các trung tâm hiện hữu, dự án:

- Hệ thống trung tâm hành chính - chính trị được phân thành 3 cấp:

- + Trung tâm hành chính - chính trị cấp Tỉnh, tại vị trí hiện hữu, nằm trên trục đường Hùng Vương: Dự kiến di dời về khu vực thị trấn Tân An, trên trục đường tỉnh ĐT293. Trung tâm hành chính công, khu liên cơ quan

- + Trung tâm hành chính - chính trị cấp Thành Phố: Giữ nguyên vị trí hiện nay tại phía Tây đường tỉnh ĐT293.

- + Trung tâm hành chính cấp xã, phường: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, tập trung cải tạo chỉnh trang và dần chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp khi sáp nhập các địa giới hành chính.

- Hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao:

- + Tiếp tục hoàn thiện xây dựng đồng bộ Trung tâm Logistics Quốc tế Song Khê nhằm kết nối với các KCN để phục vụ xuất nhập khẩu hành lang kinh tế Nam

Ninh - Hà Nội. Phát triển mới Trung tâm Logistics, chợ đầu mối Quốc tế tại xã Đồng Sơn gắn với cảng Đồng Sơn, cảng Tân Tiến.

+ Duy trì, cải tạo và nâng cấp các trung tâm công cộng, thể dục thể thao cấp tỉnh hiện có gồm: Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Nhà hát Chèo, Nhà Văn hóa lao động, Cung Văn hóa thiếu nhi, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao (đường Nghĩa Long), Nhà thi đấu thể thao tỉnh, (tại khu đô thị phía Nam). Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Hội chợ - Triển lãm tỉnh cạnh Nhà thi đấu tỉnh. Trong tương lai cần di dời các công trình: Bảo tàng, thư viện, cung thiếu nhi tỉnh, nhà khách tỉnh và hội trường đa năng tại quảng trường 3/2, khu vực phường Hoàng Văn Thụ sang khu vực quy hoạch mới phía Đông tại thị trấn Tân An (sau Trung tâm hành chính - chính trị tỉnh mới).

* Xây dựng mới các trung tâm:

- Xây dựng mới Khu trung tâm hành chính - chính trị tỉnh (Bao gồm: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các cơ quan hành chính cấp tỉnh...); Quy mô: khoảng 30ha; Vị trí: phía Bắc đường tỉnh ĐT293 (tại thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng).

- Xây dựng mới Khu trung tâm công cộng (Bao gồm: Bảo tàng, thư viện, cung thiếu nhi, nhà khách, hội trường đa năng Tỉnh...); Quy mô: khoảng 20ha; Vị trí: phía Bắc đường tỉnh ĐT293 (nằm sau Khu trung tâm hành chính - chính trị tỉnh mới).

- Xây dựng mới Khu liên hiệp thể dục thể thao Tỉnh (Bao gồm: Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh, công viên thể thao, sân vận động 35.000 chỗ, các khu thể thao ngoài trời,...); Quy mô: khoảng 70ha; Vị trí: phía Nam đường tỉnh ĐT293 (đối diện về phía Tây Nam trung tâm hành chính - chính trị tỉnh mới), phần lớn nằm trên xã Hương Gián, một phần nhỏ bên xã Xuân Phú.

- Xây dựng mới Khu trung tâm thương mại, tài chính và ngân hàng; Quy mô khoảng 17ha; Vị trí: phía Nam đường tỉnh ĐT293 (đối diện về phía Tây Nam trung tâm hành chính - chính trị tỉnh mới), thuộc xã Hương Gián.

- Xây dựng mới Khu trung tâm hội nghị, hội thảo quốc tế; Quy mô khoảng 16ha; Vị trí: phía Nam đường tỉnh ĐT293 (đối diện trung tâm hành chính - chính trị tỉnh mới), thuộc xã Xuân Phú.

- Xây dựng mới bệnh viện đa khoa (Quy mô 1000 giường); Quy mô khoảng 40ha; Vị trí: nằm trên tuyến Bắc Nam 2, giáp đường VĐ1, thuộc xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng.

- Xây dựng mới Khu trung tâm đào tạo và trung tâm nghiên cứu R&D; Quy mô: khoảng 300 ha; Vị trí: tại khu vực giao giữa VĐ2, Tuyến Bắc Nam 2 và sông Thương, thuộc xã Tiến Dũng, Cảnh Thụy (huyện Yên Dũng)

b) Định hướng phát triển hệ thống công viên, cây xanh và không gian mở:

Hệ thống công viên cây xanh mặt nước sẽ cải thiện vấn đề thoát nước mặt cho đô thị, ngoài ra mang lại giá trị cảnh quan và nâng cao chất lượng cuộc sống cho đô thị Bắc Giang. Vì vậy tổ chức 5 khu công viên lớn phục vụ đô thị và khu vực lân cận: Công viên sinh thái - công viên hoa ngò Đạ Mai (phía Tây thành

phố); Công viên bán ngập (Tân Tiến, Tân Liễu); Công viên hồ nước, vui chơi giải trí Ngòi Mân (Lão Hộ); Công viên rừng (Núi Nham Biền); Công viên sinh thái nông nghiệp.

Ngoài ra còn các hệ thống công viên đô thị như: Công viên Hoàng Hoa Thám: Tại khu trung tâm hiện hữu, sẽ nâng cấp cải tạo sử dụng cho các hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động lễ hội, kỷ niệm của thành phố; Các công viên chức năng dọc theo hai bên bờ sông Thương, nâng cao hình ảnh đô thị đồng thời kết nối người dân đô thị ra bờ sông. Hình thành các khu công viên vui chơi giải trí trên cơ sở khai thông dòng chảy các sông, suối từ lõi trung tâm đô thị ra hướng sông Thương.

+ Tổ chức các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị. Kết nối với các công viên đô thị và không gian xanh hai bên sông Thương, vùng sinh thái nông nghiệp công nghệ cao đan xen giữa các khu chức năng hình thành nên một mạng lưới cây xanh liên hoàn của toàn thành phố.

Không gian xanh vùng nông nghiệp sinh thái: Đề xuất mô hình nông nghiệp trong đô thị tạo những không gian nghiên cứu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xen kẽ, nhằm gia tăng không gian xanh, cảnh quan và khuyến khích các hoạt động nông nghiệp cho dân cư đô thị.

7.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội:

a) Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế:

- Thương mại - dịch vụ: Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ có hiệu quả kinh tế cao, tổ chức sắp xếp lại mạng lưới kinh doanh thương mại. Tập trung đầu tư các ngành hàng mà địa phương có được mang tính đặc thù, phát triển dịch vụ logistics phục vụ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phát triển các trung tâm Logistic quốc tế - trung tâm tiếp vận, trung chuyên hàng hóa kết nối với Trung Quốc thông qua cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn). Xây dựng Khu dịch vụ tổng hợp, logistics Yên Hà; Khu dịch vụ tổng hợp, logistics, cảng thủy nội địa, cảng cạn ICD Long Xá Xây dựng Chợ đầu mối Quốc tế nằm trên tuyến đường vành đai VĐ1, kết nối thuận tiện với các đường trục chính và dòng sông Thương. Xây dựng Khu trung tâm thương mại, tài chính - hội nghị quốc tế và tổ hợp các trụ sở ngân hàng nằm trên tuyến ĐT293. Tận dụng tiềm năng của cảnh quan tự nhiên phát triển những khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí gắn với tự nhiên nhằm thu hút khách du lịch và dân cư như: Công viên sinh thái Song Mai, Khu du lịch đồi Đồng Phúc, sân golf Nham Biền, KDL sinh thái núi Nham Biền, công viên sinh thái Đa Mai...

- Công nghiệp - xây dựng: Phát huy các lợi thế phát triển công nghiệp với các ngành sản xuất có giá trị cao và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp cấp vùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đô thị mạnh mẽ và gia tăng sức hút lực lượng chuyên gia, lao động đến sinh sống và làm việc tại đô thị Bắc Giang. Định hướng phát triển ngành công nghiệp sạch, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển công nghiệp phải gắn với công tác bảo vệ môi trường, tạo sự cộng hưởng giữa khu công nghiệp và đô thị về chiến lược, nguồn lực, không gian công cộng (trung tâm R&D, phòng trưng bày, tái sử dụng nhiệt thải từ các nhà máy...)

- Nông - lâm - ngư nghiệp: Nghiên cứu mô hình nông nghiệp công nghệ cao để ứng dụng cho các khu vực nông nghiệp quy mô lớn trong vùng. Thúc đẩy phát

triển nông nghiệp đô thị, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao làm hậu cần cho ngành du lịch...có thể trở thành một mảng phụ trợ cho hệ thống kinh tế của vùng đô thị này. Hình thành các Trung tâm nghiên cứu ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp địa phương.

b) Định hướng phát triển hạ tầng xã hội:

- Hệ thống cơ quan, công sở: Phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu người dân đô thị trong tương lai. Xây dựng mới khu trung tâm hành chính, chính trị và các cơ quan của Tỉnh tại khu vực phía Đông (thuộc thị trấn Tân An, phía Bắc ĐT 293).

- Hệ thống giáo dục đào tạo: Phân bố và phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có, thiết thực và có hiệu quả. Bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy mô dân số và dự trữ cho các kế hoạch phát triển dài hạn. Dự kiến xây dựng thêm trường trung học phổ thông với tổng diện tích khoảng 32 ha và được phân bố tại các vị trí phù hợp, đảm bảo bán kính phục vụ cho từng đơn vị ở. Xây dựng Khu trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu - sáng tạo R&D tại khu vực giao thoa giữa VĐ2, tuyến Bắc Nam 2 và sông Thương.

- Y tế: Quy hoạch mở rộng quy mô giường bệnh của 08 bệnh viện tuyến tỉnh, gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Nội tiết và Bệnh viện Ung bướu. Quy hoạch chuyển ra vị trí mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Quy hoạch mới: Bệnh viện Lão khoa và Trung tâm Cấp cứu 115, Trung tâm y tế thành phố. Quy hoạch chuyển vị trí mới Trung tâm Y tế thành phố Bắc Giang để hình thành trung tâm y tế đa chức năng trên cơ sở trung tâm hiện nay. Xây dựng Bệnh viện đa khoa cấp vùng với quy mô 40 ha tại xã Xuân Phú, nằm trên tuyến Bắc Nam quy hoạch mới.

- Văn hóa - TDTT: Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng, TDTT, và các phương tiện vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Xây dựng mới khu liên hiệp TDTT và Khu bảo tàng, thư viện, cung thiếu nhi tỉnh tại khu vực phía Đông (thuộc thị trấn Tân An và xã Hương Gián, trên tuyến ĐT 293).

- Nhà ở: Tại một số khu vực trung tâm, trục đường chính đô thị ưu tiên xây dựng nhà ở mới, cao tầng để nâng cao chỉ tiêu và chất lượng nhà ở cho toàn đô thị, tạo điểm nhấn không gian. Đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội: Cần bố trí quỹ nhà ở chi phí thấp và nhà ở cho thuê, nhà ở cho công nhân, sinh viên, nhà ở chính sách, nhà ở cho người thu nhập thấp, tập trung tại khu vực thuận lợi về giao thông, đặc biệt gần các khu, cụm công nghiệp tập trung và các cơ sở đào tạo trong đô thị.

8. Thiết kế đô thị:

a) Xác định vùng kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Lưu giữ cấu trúc đô thị hiện hữu trên địa phận các khu vực Xương Giang, Thọ Xương, Trần Nguyên Hãn, Ngô Quyền, Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Lê Lợi, Đinh Kế, với tính chất là khu trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa lịch sử và thương mại dịch vụ của Tỉnh.

- Khu vực trung tâm mới đa chức năng phát triển tại các khu vực Tân An, Đinh Trì, Hương Gián, Tân Tiến, Xuân Phú, Tiến Dũng với các chức năng cấp vùng quan trọng. Tận dụng cảnh quan tự nhiên và hệ thống công viên cây xanh được quy hoạch nhằm tạo lập không gian sống cho cư dân đô thị.

- Phát triển Vùng cửa ngõ phía Tây thành phố với chức năng đầu mối kinh doanh thương mại, logistic, kết nối với Việt Yên và kết nối với cao tốc AH-01 tại phường Đông Sơn, Song Khê, Nội Hoàng.

- Khu vực dự trữ phát triển và nông nghiệp đô thị tại các khu vực nông nghiệp hiện hữu tại xã Trí Yên, Lạng Sơn, Đức Giang, Đồng Việt, Tiến Dũng, Tư Mại.

- Khu vực cảnh quan tự nhiên và mặt nước được quy hoạch để bảo vệ không gian xanh, sinh thái tại các khu vực núi Nham Biền, khu vực giáp đồi Quảng Phúc, Khu vực hai bên bờ ngòi Đa Mai.

- Chuyển đổi khu vực ngoài đê Tân Tiến, và bãi sông Tân Liễu thành công viên bán ngập và bảo vệ không gian tự nhiên ven sông Thương để thích ứng với biến đổi khí hậu và cải thiện đa dạng sinh học của khu vực.

b) Định hướng mật độ xây dựng:

- Sự phát triển đô thị Bắc Giang phải đảm bảo được nguyên tắc sử dụng đất bền vững thông qua việc khai thác một cách tối ưu nguồn tài nguyên đất đai, tránh lãng phí, gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan đặc trưng của đô thị cũng như ảnh hưởng đến nền kinh tế của địa phương. Do đó, với các khu vực đô thị hiện hữu như trung tâm của Thành phố Bắc Giang cần khuyến khích tăng mật độ xây dựng, phát triển mô hình đô thị nén.

- Khu vực lõi trung tâm thành phố xây dựng với mật độ cao. Các khu vực trung gian như các phần phát triển mở rộng từ trung tâm đô thị hiện hữu, các làng xóm bị đô thị hóa thì cho phép phát triển với mật độ xây dựng giảm dần đến trung bình và thấp.

- Các khu vực nông thôn xây dựng theo mô hình sinh thái nhà vườn mật độ thấp hoặc tại các khu vực tiếp giáp với không gian cảnh quan tự nhiên, cần phải kiểm soát phát triển đô thị ở mật độ xây dựng thấp để hài hòa với cảnh quan chung.

c) Định hướng tầng cao xây dựng:

- Chiều cao công trình sẽ phụ thuộc vào chiều rộng đường để đảm bảo chất lượng không gian cảnh quan tuyến phố. Với tuyến phố rộng thì cho phép công trình cao hơn trong khi tại các tuyến phố nhỏ thì chiều cao công trình phải thấp xuống.

- Để đảm bảo đô thị hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, các khu vực tiếp giáp với với không gian cảnh quan tự nhiên hoặc nằm trong không gian nông nghiệp cần được khống chế tầng cao xây dựng thấp.

- Với một số khu vực đặc biệt như cửa ngõ đô thị hay tại các khu vực giao cắt giữa các tuyến đường chính, cần có yếu tố điểm nhấn kiến trúc để tạo sự đột biến trong cảnh quan đô thị thì bố trí các công trình cao tầng

d) Khu vực cửa ngõ đô thị:

- Tổ chức hệ thống các công trình/cụm công trình/cảnh quan đặc trưng làm điểm nhấn tại các khu vực cửa ngõ của đô thị. Hệ thống các công trình này sẽ là hình ảnh đại diện mới của Bắc Giang trong tương lai, với tầm nhìn là một Đô thị công nghiệp hiện đại - thông minh - bền vững.

- Hệ thống sáu cửa ngõ của thành phố Bắc Giang tạo thành lõi vào thành phố với các tính chất khác nhau.

e) Hệ thống cây xanh mặt nước:

- Hệ thống cảnh quan cây xanh này sẽ tạo dựng môi trường sống xanh, đa dạng cho người dân Bắc Giang và góp phần chuyển đổi hình ảnh thành phố Bắc Giang từ thành phố công nghiệp sang thành phố xanh, sinh thái và phát triển bền vững.

- Cảnh quan tự nhiên của Bắc Giang phát triển dựa trên hệ thống 3 dòng sông là sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam. Yếu tố mặt nước có ý nghĩa quan trọng đối với cảnh quan Bắc Giang và được phản ánh qua các đặc trưng khác nhau.

- Các khu vực giữ nước như vùng đất ngập nước và vùng đệm đóng vai trò thẩm thấu nước và thoát lũ trong trường hợp lũ lụt nhằm bảo vệ thành phố và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Để đảm bảo vai trò của vùng đất ngập nước, hạn chế tối đa việc xây dựng các công trình trong khu vực, kèm theo đó là trồng các loại thực vật ưa ẩm có thể giữ được lượng nước lớn phù hợp với mùa lũ.

9. Quy hoạch sử dụng đất đai:

Diện tích đất tự nhiên đô thị Bắc Giang là 25.830 ha:

* Đến năm 2030: Đất dân dụng là 4.062 ha, chiếm 15,73% tổng diện tích quy hoạch; Đất ngoài khu dân dụng: 8.426 ha; chiếm 32,62% tổng diện tích quy hoạch; Đất nông nghiệp và chức năng khác: 13.341,67 ha, chiếm 51,65% tổng diện tích quy hoạch.

* Đến năm 2045: Đất dân dụng là 5.950 ha, chiếm 23,04% tổng diện tích quy hoạch; Đất ngoài khu dân dụng: 9.448 ha; chiếm 36,58% tổng diện tích quy hoạch; Đất nông nghiệp và chức năng khác: 10.431 ha, chiếm 40,38% tổng diện tích quy hoạch.

Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045

STT	Nhóm chức năng/ Loại chức năng sử dụng đất	Quy hoạch 2030			Quy hoạch 2045		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m2/ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m2/ng)
I	Khu đất dân dụng	4.062,16	15,73	99,08	5.950,03	23,04	99,83

1	Đất đơn vị ở	2.734,82	10,59		3.985,04	15,43	
	<i>Đất đơn vị ở HT</i>	<i>2.215,21</i>	<i>8,58</i>	<i>75,66</i>	<i>2.193,28</i>	<i>8,49</i>	<i>74,91</i>
	<i>Đất đơn vị ở mới</i>	<i>519,61</i>	<i>2,01</i>	<i>44,33</i>	<i>1.791,76</i>	<i>6,94</i>	<i>59,09</i>
2	Đất hỗn hợp (Đơn vị ở và dịch vụ công cộng đô thị)	230,24	0,89	5,62	434,42	1,68	7,29
3	Đất dịch vụ công cộng đô thị	105,63	0,41	2,58	170,37	0,66	2,86
4	Đất trường trung học phổ thông	35,77	0,14	0,76	51,10	0,20	0,77
5	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	19,63	0,08	0,48	19,63	0,08	0,33
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	246,00	0,95	6,00	357,60	1,38	6,00
7	Đất giao thông đô thị	533,00	2,06	13,00	774,80	3,00	13,00
8	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	157,07	0,61	3,83	157,07	0,61	2,64
II	<i>Khu đất ngoài dân dụng</i>	<i>8.425,53</i>	<i>32,62</i>	<i>178,51</i>	<i>9.448,44</i>	<i>36,58</i>	<i>141,87</i>
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	2.300,86	8,91		2.278,56	8,82	
2	Đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu	157,31	0,61		157,31	0,61	
3	Đất trung tâm y tế	115,73	0,45		115,73	0,45	
4	Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	86,32	0,33		123,31	0,48	
5	Đất dịch vụ du lịch	57,90	0,22		82,71	0,32	
6	Đất hỗn hợp (dịch vụ thương mại, logistic)	742,90	2,88		1.061,28	4,11	
7	Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	66,94	0,26		66,94	0,26	
8	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	1.675,67	6,49		2.393,81	9,27	
9	Đất cây xanh chuyên dụng	237,47	0,92		339,24	1,31	
10	Đất di tích, tôn giáo	94,45	0,37		94,45	0,37	
11	Đất điểm dân cư nông thôn	1.762,68	6,82		1.468,90	5,69	
12	Đất an ninh	34,89	0,14		34,89	0,14	
13	Đất quốc phòng	142,99	0,55		142,99	0,55	
14	Đất giao thông đối ngoại	787,00	3,05		925,89	3,58	
15	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	162,43	0,63		162,43	0,63	
III	<i>Khu đất nông nghiệp và chức năng khác</i>	<i>13.341,67</i>	<i>51,65</i>		<i>10.430,89</i>	<i>40,38</i>	
1	Đất rừng sản xuất	1.568,56	6,07		1.568,56	6,07	
2	Đất sản xuất nông nghiệp	8.347,01	32,32		6.412,58	24,83	

3	Đất nuôi trồng thủy sản	1.183,23	4,58		696,84	2,70	
4	Hồ, ao, đầm	776,41	3,01		344,13	1,33	
5	Sông, suối, kênh, rạch	1.466,46	5,68		1.408,78	5,45	
	Tổng cộng	25.829,35	100,00		25.829,35	100,00	
	Tổng cộng (làm tròn)	25.830	100,00		25.830	100,00	

10. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

10.1. Định hướng quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- CT Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn: quy mô 6-8 làn xe. Xây dựng đường gom 2 bên.

- CT Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long: quy mô 6 làn xe và 2 làn xe dừng đỗ khẩn cấp. Xây dựng đường gom 2 bên.

- Vành đai 5 vùng thủ đô Hà Nội: cao tốc với quy mô 6 làn xe và 2 làn xe dừng đỗ khẩn cấp. Xây dựng đường gom 2 bên.

- QL.31: Bn=42m; QL.17: Bn=24-55,5m.

- ĐT.295B: Bn=24-45m; ĐT.293: Bn=48-58,5m; ĐT.299: Bn=22,5-29m; ĐT.299B: Bn=29m; ĐT.299D: Bn=65m; ĐT.398C và ĐT.398D: quy mô tối thiểu 2 làn xe; ĐT.398: Bn=42,5-56,5m.

b) Hình thành 3 tuyến vành đai:

- Tuyến vành đai 1: kết nối lõi trung tâm đô thị hiện hữu với khu vực trung tâm mới, kết nối các chức năng quan trọng và giảm tải khu vực trung tâm thành phố Bắc Giang. Lộ giới từ 35-60m.

- Tuyến vành đai 2: kết nối 3 lõi trung tâm đô thị Bắc Giang (Trung tâm thành phố Bắc Giang, thị trấn Tân An và thị trấn Nham Biền) và các phân khu phát triển mới, khu vực mở rộng phía Nam thuộc huyện Yên Dũng. Lộ giới từ 32-60m.

- Tuyến vành đai 3: hình thành hệ thống giao thông vận tải hàng hóa theo các tuyến CT Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn; Vành đai 5 vùng thủ đô Hà Nội; CT Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long; ĐT.398 và ĐT.299D cho phép lưu thông một vòng khép kín kết nối các khu công nghiệp với các tuyến trục chính của vùng. Tách biệt giao thông phục vụ cho các khu công nghiệp với giao thông đô thị. Lộ giới từng tuyến tuân thủ theo các quy hoạch chuyên ngành.

c) Hình thành 2 tuyến trục dọc:

- Tuyến Bắc - Nam 1: Lộ giới từ 35-60m, kết nối giữa trung tâm đô thị Bắc Giang với trung tâm đô thị Bắc Ninh cùng các đô thị vệ tinh Thủ đô Hà Nội qua tuyến VĐ4. Đề xuất xây dựng hầm chui chiều dài 800m qua núi Nham Biền.

- Tuyến Bắc - Nam 2: Lộ giới 65-80m, kết nối khu vực phía Đông với 2 tuyến VĐ5 và CT. Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long.

d) Cầu vượt sông: Xây dựng thêm 01 đơn nguyên mở rộng cầu Xương Giang; Nâng cấp, cải tạo 8 cầu hiện hữu; Xây mới 15 cầu vượt sông Thương, sông Lục Nam, sông Lục Đầu và sông Cầu.

e) Bến xe, bãi đỗ xe: Bến xe hiện hữu tại phường Ngô Quyền sẽ chuyển thành bến xe bus; Hình thành 03 bến xe đạt tiêu chuẩn loại 1 tại khu vực P. Tân Mỹ, P. Hương Gián và P. Cảnh Thụy; Đảm bảo chỉ tiêu diện tích đất bãi đỗ xe đảm bảo $4\text{m}^2/\text{người}$.

f) Đường sắt:

- Ga Bắc Giang chuyển đổi chức năng chỉ phục vụ hành khách. Đề xuất cấp có thẩm quyền nâng tĩnh không cầu đường sắt đoạn vượt sông Thương.

- Hình thành tuyến đường sắt nội vùng Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang. Hướng tuyến chạy song song với CT Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, ga cuối đề xuất tại khu vực giao giữa đường vành đai V - vùng Thủ đô Hà Nội và đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn.

g) Đường thủy: Khai thác tối đa các tuyến vận tải đường thủy tại sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam. Trong đó sau năm 2030 nghiên cứu chuyển đổi chức năng đường thủy tại sông Thương thành vận tải hành khách, phục vụ du lịch, đảm bảo môi trường trong đô thị.

h) Giao thông hàng không: sử dụng chung sân bay Nội Bài, kết nối bằng CT Hà Nội - Bắc Giang.

i) Giao thông công cộng: Hình thành mạng lưới xe buýt công cộng. Phát triển hệ thống giao thông xanh giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

j) Không gian ngầm:

- Nghiên cứu hạ ngầm Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang đoạn từ nút giao Hùng Vương đến nút giao QL.31.

- Xây dựng các tuyến Tuynel kỹ thuật trên các trục đường giao thông đối ngoại, đường chính đô thị có dải phân cách từ 4m hoặc vỉa hè rộng từ 7,5m trở lên. Xây dựng tầng hầm để xe tại các nhà cao tầng tại các khu vực trung tâm.

10.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

a) Cao độ nền:

- Phòng chống lũ: Quản lý, sử dụng bãi sông hợp lý đảm bảo hành lang thoát lũ sông Thương và sông Cầu. Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình đê, kè, trạm bơm nhằm phòng chống lũ và giảm thiểu ngập úng cho đô thị.

- Cao độ nền xây dựng: Kiểm soát cao độ nền xây dựng đô thị, công nghiệp gắn với phát triển mạng lưới sông kênh tiêu thoát nước mặt, hồ điều hòa để đảm bảo hạn chế úng ngập lụt.

+ Khu vực TP Bắc Giang: Những khu vực có cao độ nền hiện trạng $\leq +4,0\text{m}$ thuộc trung tâm TP Bắc Giang hiện hữu, giữ nguyên cao độ sân vườn, nâng cao độ sàn công trình lên $+4,5\text{m}$; các khu vực xây dựng mới Hxd $\geq +4,5\text{m}$.

+ Khu vực huyện Yên Dũng: Khu vực phát triển mới phía Bắc sông Thương Hxd $\geq +4,1\text{m}$; phía Nam sông Thương Hxd $\geq +4,0\text{m}$.

b) Thoát nước mặt:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đảm bảo thoát nước mưa trên toàn lưu vực. Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn tại các khu vực xây dựng mới và hệ thống thoát nước nửa riêng tại các khu vực hiện trạng.

- Khu vực được chia thành 24 lưu vực tiêu theo các trạm bơm phục vụ. Nước mặt được thoát vào hệ thống cống thoát nước, hệ thống kênh mương của đô thị, sau đó thoát tự chảy hoặc bơm cưỡng bức ra hệ thống sông Thương, sông Cầu.

- Áp dụng các giải pháp thoát nước mưa bền vững mang tính linh hoạt nhằm thích ứng với BĐKH và phù hợp với mục tiêu phát triển đô thị.

- Nạo vét, khơi thông, mở rộng các trục tiêu thoát nước chính của đô thị, bố trí hồ điều hòa, công viên bán ngập nhằm điều tiết dòng chảy, nâng cao khả năng thoát lũ, tạo cảnh quan đô thị và đảm bảo vệ sinh môi trường.

10.3. Định hướng quy hoạch cấp nước:

a) Nhu cầu cấp nước: Đến năm 2030 khoảng 115.000 m³/ngđ, đến năm 2045 khoảng 195.000 m³/ngđ.

b) Nguồn nước: Nước mặt sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam và nước hồ Cẩm Sơn.

c) Phân vùng cấp nước: Bao gồm 7 phân vùng: Phân vùng 1 gồm toàn bộ ranh giới phường TP Bắc Giang hiện trạng, xã Song Khê, xã Đồng Sơn, Xã Nội Hoàng, Xã Tiên Phong, xã Tân Tiên, xã Hương Gián, xã Đình Trì được cấp nước chính từ các nhà máy nước Bắc Giang, trạm bơm tăng áp DNP, trạm bơm tăng áp Tiên Phong; phân vùng 2 gồm Thị trấn Tân An và xã Lão Hộ được cấp nước chính từ trạm bơm tăng áp Tân An và Nhà máy nước Lão Hộ; phân vùng 3 gồm Xã Tân Liễu, Thị trấn Nham Biền, xã Tư Mại và xã Đức Giang được cấp nước chính từ Nhà máy nước Tân Liễu và nhà máy nước Thắng Cương; phân vùng 4 gồm Xã Yên Lư được cấp nước từ Nhà máy nước Yên Lư; phân vùng 5 gồm 1 phần các xã Tư Mại, Đồng Phúc, Cảnh Thụy, Đức Giang được cấp nước từ Nhà máy nước Khu công nghiệp Đức Giang; phân vùng 6 gồm các xã Tiến Dũng, Cảnh Thụy được cấp nước từ Nhà máy nước Tiến Dũng; phân vùng 7 gồm các Xã Xuân Phú, Quỳnh Sơn, Lãng Sơn, Trí Yên được cấp nước từ nhà máy nước Xuân Phú; phân vùng 8 gồm phần ranh giới còn lại của hai xã Đồng Việt và Đồng Phúc được cấp nước từ nhà máy nước xã Đồng Việt, nhà máy nước xã Đồng Phúc.

d) Công trình đầu mối chính:

- Nâng cấp, cải tạo các Nhà máy nước, trạm bơm tăng áp: Nhà máy nước Bắc Giang, Nhà máy nước Lão Hộ, Nhà máy nước Tân Liễu (đồng thời cấp nước sạch bổ sung cho hai nhà máy nước T1, T2), Nhà máy nước Thắng Cương, Nhà máy nước Đồng Việt, Nhà máy nước Đồng Phúc; Trạm bơm tăng áp, bể chứa phường Song Khê, Tiên Phong, Tân An, Trạm bơm tăng áp Bắc Giang, trạm bơm tăng áp DNP.

- Các KCN xây dựng mới Nhà máy cấp nước riêng: Nhà máy nước KCN Yên Lư khai thác nguồn nước mặt sông Cầu; Nhà máy nước KCN Đức Giang khai thác nguồn nước mặt sông Thương.

e) Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước chính dạng mạng vòng có đường kính D110mm - D300mm, đủ năng lực truyền tải khi có cháy. Bổ sung liên kết giữa các nhà máy nước để đảm bảo an toàn cấp nước.

e) Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước chính dạng mạng vòng có đường kính D110mm - D300mm, đủ năng lực truyền tải khi có cháy. Bổ sung liên kết giữa các nhà máy nước để đảm bảo an toàn cấp nước.

10.4. Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

a) Tổng nhu cầu phụ tải đến năm 2030 khoảng 382906KW; đến năm 2045 khoảng 775946KW.

b) Nguồn điện:

- Trong Quy hoạch các nguồn điện đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang dự kiến xây dựng thêm nhà máy xử lý rác và phát điện Bắc Giang công suất 12MW.

- Định hướng phát triển các Nhà máy điện năng lượng mặt trời Yên Dũng công suất 100MW.

- Định hướng bổ sung nguồn cấp điện từ năng lượng gió đầu nối lưới điện tại các huyện Yên Dũng.

c) Lưới điện:

- Lưới điện cao thế: 500 kV, 220 kV, 110 kV theo quy hoạch chuyên ngành, điều chỉnh một số hướng tuyến cao thế đi ra ngoài khu vực trung tâm các khu vực phát triển đô thị.

- Lưới điện trung thế: Sử dụng điện áp là 22 kV và 35 kV; chuyển đổi lưới đường dây 6 kV, 10 kV,... hiện có về 2 cấp điện áp 22 kV và 35 kV.

- Lưới điện hạ thế: Sử dụng cấp điện áp 380/220V; ngầm hóa lưới điện xây mới trong phạm vi đô thị; từng bước cải tạo, hạ ngầm hệ thống lưới điện hiện trạng.

- Khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện khi điều kiện cho phép, đặc biệt tại các khu vực trung tâm phát triển đô thị, dịch vụ.

d) Trạm biến áp: Xây dựng mới các trạm biến áp 220kV, 110kV, đồng thời cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp 220 kV, 110kV hiện trạng đáp ứng nhu cầu.

e) Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị theo tiêu chuẩn quy định, ứng dụng điều khiển tự động và bán tự động hệ thống đèn đường. Tại các điểm nhân kiến trúc đô thị thiết kế chiếu sáng cảnh quan.

10.5. Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc:

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu vực hiện hữu.

11.6. Thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải: tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng 92.000 m³/ngày đêm. Xây dựng 7 trạm xử lý nước thải sinh hoạt theo các lưu vực chính.

- Lưu vực 1: phía Đông Bắc sông Thương gồm khu vực trung tâm nội thành cũ và phát triển mở rộng (phân khu 1, 50% phân khu 9 và 60% phân khu 2). Toàn bộ nước thải xử lý tập trung tại (TXLNT-SH1) hiện có ở xã Tân Tiến, nâng công suất dự án 20.000m³/ngày lên 35.000m³/ngày.

- Lưu vực 2: phía Tây Bắc sông Thương gồm (phân khu 5 và 40% phân khu 4). Toàn bộ nước thải thu gom được xử lý tập trung tại (TLXLNT-SH5) công suất 10.000m³/ngày xây dựng ở khu vực xử lý chất thải rắn Đa Mai (theo QHPK).

- Lưu vực 3: phía Tây Bắc sông Thương gồm (60% phân khu 4 và 30% phân khu 3). Toàn bộ nước thải được xử lý tập trung tại (TLXLNT-SH4) công suất 10.000m³/ngày, ở phường Mỹ Độ (theo QHPK).

- Lưu vực 4: phía Tây Nam sông Thương gồm (70% phân khu 3 và một phần nhỏ phân khu 7). Toàn bộ nước thải được xử lý tập trung tại (TLXLNT-SH3) công suất 10.000m³/ngày, ở phường Đồng Sơn (theo QHPK).

- Lưu vực 5: phía Đông Nam sông Thương gồm (40% phân khu 2 và phân khu 6). Toàn bộ nước thải được xử lý tập trung tại (TLXLNT-SH6) công suất 14.000m³/ngày, ở phường Tân An.

- Lưu vực 6: khu vực phía Nam thành phố (đô thị Nham Biền, Yên Lư). Toàn bộ nước thải thu gom bằng các đường cống thoát nước riêng tự chảy D300÷ D500mm và các trạm bơm đưa nước thải về trạm làm xử lý nước thải tập trung: (TLXLNT-SH7) công suất 8.000m³/ngày, diện tích 2,0 ha xây dựng ở khu vực phường Nham Biền.

- Lưu vực 7: khu vực phía Nam thành phố (đô thị Cảnh Thụy, Tiến Dũng). Toàn bộ nước thải thu gom bằng các đường cống thoát nước riêng tự chảy D300÷ D500mm và các trạm bơm đưa nước thải về trạm làm xử lý nước thải tập trung: (TLXLNT-SH8) công suất 5.000m³/ngày, diện tích 1,0 ha xây dựng ở khu vực phường Tiến Dũng.

- Khu vực ngoại thị, các điểm dân cư sống theo cụm và các công trình công cộng xây dựng độc lập, xử lý cục bộ tại công trình trước khi xả ra hệ thống hệ thống thoát nước chung. Tận dụng các khu vực trũng, ao hồ sẵn có để làm sạch tự nhiên.

- Nước thải công nghiệp, y tế: xử lý riêng, phụ thuộc vào quy mô, thành phần tính chất loại nước thải đạt QCVN mới được xả ra môi trường.

b) Chất thải rắn: nhu cầu xử lý chất thải rắn khoảng 1.160 tấn (trong đó chất thải rắn sinh hoạt khoảng 720 tấn, chất thải rắn công nghiệp khoảng 440 tấn) được xử lý tại:

- Khu xử lý CTR Đa Mai, công nghệ điện rác công suất 500-750tấn/ngày.
- Khu xử lý CTR Nham Biền hiện có công suất 250 tấn/ngày.
- Khu xử lý CTR công nghiệp 14 ha của công ty Hòa Bình (theo QH tỉnh).

c) Nghĩa trang, nhà tang lễ:

- Các nghĩa trang tập trung đã quy hoạch trong nội thị sử dụng hết diện tích ngừng chôn cất mới (chỉ cho chôn cất táng, xương cốt sau hỏa táng)

- Xây dựng mới 02 nghĩa trang tập trung thành phố, tổng diện tích khoảng 28 ha: 01 nghĩa trang 18ha ở khu vực xã Tư Mại (theo quy hoạch của huyện Yên Dũng; 01 nghĩa trang dự kiến tại khu vực xã Trí Yên trên cơ sở mở rộng nghĩa trang hiện có).

- Ngoài ra sử dụng dự án Khu công viên nghĩa trang sinh thái xã Đông Hưng, huyện Lục Nam (theo dự án được phê duyệt).

- Nhà tang lễ: quy hoạch 05 nhà tang lễ: Sử dụng 01 nhà tang lễ phường Mỹ Độ hiện có; Xây mới: 01 nhà tang lễ tại phường Dĩnh Kế, 01 nhà tang lễ phường Đồng Sơn (theo QHPK); 01 nhà tang lễ gắn liền trong khuôn viên đất y tế thành phố ở phường Hương Gián, 01 nhà tang lễ trong bệnh viện đa khoa cấp vùng ở phường Xuân Phú (dự kiến). Mỗi nhà tang lễ có diện tích khoảng 5000m²-10000m².

11. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Để xây dựng theo quy hoạch được duyệt đảm bảo phát triển đô thị bền vững, cần có các giải pháp bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường sau:

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn đô thị; duy trì hệ thống cây cảnh quan, khôi phục hệ thống mặt nước, hồ điều hòa.

- Từng bước di dời các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực trung tâm.

- Phân luồng giao thông hợp lý, hạn chế các phương tiện phát thải lớn đi qua khu vực trung tâm đô thị.

- Khu vực núi Nham Biền: Khôi phục, bảo vệ rừng hiện trạng, trồng mới các khu vực đồi đất trống tăng tỷ lệ bao phủ. Khu vực xây dựng sân Golf cần phải có các giải pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và hạn chế tác động đến môi trường tự nhiên của khu vực.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước tại vùng lũ sông Thương thuộc các xã Tân Liễu, Tân Tiến. Hình thành các công viên sinh thái bán ngập giúp đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai; Hạn chế việc phát triển mới các khu dân cư, khu sản xuất công nghiệp và cơ sở hạ tầng ở vùng ngập trũng sông Thương; Chỉ cho phép xây dựng mật độ tối đa 5% tại các vùng cửa sông để tạo nhiều khoảng trống hơn cho hệ thống thoát nước và các kênh thoát lũ được thông thoáng.

- Khuyến khích dân cư sống trong một số vùng nguy cơ cao dần dần di dời vào các khu dân cư an toàn hơn.

- Kiểm soát chặt chẽ việc xả thải trực tiếp các nguồn thải vào sông Thương đặc biệt là khu vực nhà máy phân đạm Hà Bắc, kiểm soát nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 24:2009/BTNMT trước khi đổ ra sông Thương; Tăng cường cây xanh sinh thái ven sông, phát triển các khu đô thị mới ven sông đi đôi với bảo vệ môi trường sông Thương.

- Khu vực khu, cụm công nghiệp tập trung: Kiểm soát chặt chẽ việc xả thải trực tiếp các nguồn thải vào sông Cầu; Thu gom và xử lý triệt để nước thải phát sinh từ các nhà máy thành viên trong KCN bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Kiểm soát nước thải sau xử lý đạt QCVN 24:2009/BTNM. Các nhà máy xí nghiệp đầu tư vào hoạt động tại khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý khí thải tại các khu vực phát sinh ô nhiễm đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 05:2009/BTNMT, 06:2009/BTNMT và đảm bảo độ ồn phát sinh trong hoạt động sản xuất đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

12. Các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công cụ quản lý về quy hoạch, phát triển đô thị gồm: Lập và phủ kín hệ thống quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc, quy chế bảo tồn, quy chế cải tạo; chương trình phát triển đô thị; đề án nâng cấp các đô thị; đề án sáp nhập; triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trọng điểm làm tiền đề cho phát triển đô thị loại I.

- Tập trung ưu tiên cho các dự án có thể mạnh, động lực, tiềm năng cho phát triển kinh tế của địa phương như: Các khu, cụm công nghiệp, khu nghiên cứu R&D; dịch vụ logistics, chợ đầu mối Quốc tế, khu đô thị, dịch vụ thương mại cấp vùng và dịch vụ du lịch cấp vùng...

- Tiếp tục đề ra các giải pháp cụ thể để huy động nguồn lực ngoài ngân sách, như các nguồn từ vốn hỗ trợ, vốn vay, các nguồn vốn tư nhân... nhằm thu hút vào các hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu, cụm công nghiệp.

Trên đây là những nội dung chính của Đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 đã được tiếp thu, giải trình và hoàn thiện. UBND tỉnh Bắc Giang trình HĐND tỉnh Bắc Giang xem xét, thông qua để làm căn cứ thực hiện các bước tiếp theo.

(Có hồ sơ Đồ án Quy hoạch chung đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên; (5b)
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- UBND TP Bắc Giang;
- UBND huyện Yên Dũng;
- VP: LĐVP, TH, KTN
- Lưu: VT, XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích